

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01 -11- 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Sứ;
2. Bà Trương Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Lâm T, sinh năm 1980;
Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1986;
Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
Hiện tạm trú: M 39/7 cư xá A, p 12, q 6, thành phố Hồ Chí Minh.
Nguyên đơn có mặt, bị đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/06/2019, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Phan Lâm T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim C có tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 09/01/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc; từ tháng 12 năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau; nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống không phù hợp, từ đó vợ chồng sống không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Phan Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/6/2004 và cháu Phan Thị Yến V, sinh ngày 18/02/2008; hiện con chung đang sống với anh từ năm 2017 cho đến nay; khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh Phan Lâm T.

Về con chung: có 02 con như nguyên đơn trình bày; khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do chị bận công việc và ở xa không tham gia tố tụng xét xử vụ án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Lâm T, cho anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Phan Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/6/2004 và cháu Phan Thị Yến V, sinh ngày 18/02/2008 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có yêu cầu, nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18/6/2019 anh Phan Lâm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim C hiện có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị C có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Anh Phan Lâm T và chị Nguyễn Thị Kim C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 09/01/2004, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T và chị C bất đồng về quan điểm sống và lối sống không phù hợp. Mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài mà cả hai đều không tìm cách khắc phục. Anh, chị sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay, phần ai người ấy sống, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị C ngày càng trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho anh Phan Lâm T được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C.

[3] Về con chung: có 02 con chung là cháu Phan Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/6/2004 và cháu Phan Thị Yến V, sinh ngày 18/02/2008, khi ly hôn anh T và chị C đều thống nhất giao 02 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng cho con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì anh Phan Lâm T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Phan Lâm T được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C.
2. Về con chung: Giao cháu cháu Phan Nguyễn Như Q, sinh ngày 02/6/2004 và cháu Phan Thị Yên V, sinh ngày 18/02/2008 cho anh Phan Lâm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Kim C không cấp dưỡng tiền cho con.

Chị Nguyễn Thị Kim C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Anh Phan Lâm T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai thu số AA/2014/0004181 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Lâm T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THDS huyện;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Sang

